

Bản án số: 129/2024/KDTM -PT

Ngày: 30/05/2024

V/v : Tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30/05/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 188/2023/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng thi công do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần K

Địa chỉ: Phòng 2007, số B N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Đức D, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

* **Bị đơn:** Công ty cổ phần X1.

Địa chỉ: Tầng E Tòa nhà T, số E L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Phi H1 và ông Trần Nam P theo giấy ủy quyền số 552/UQ-X1 ngày 08/06/2023; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:**

Ngày 12/07/2017, Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần X1 ký Hợp đồng số 256/2017/HĐKT. Nội dung cơ bản của hợp đồng: X1 (Bên A - giao thầu) và nguyên đơn

(Bên B – nhận thầu) thực hiện gói thầu: “*Thiết kế trạm, Lập dự toán + Thi công phần xây dựng, công nghệ và thiết bị trạm xử lý nước thải công suất 50m³/NG.Đ*”, công trình: “*Trụ sở chính Công ty cổ phần X1 Hà Nội*”. Địa điểm: số B T, quận Đ, Hà Nội. Phạm vi công việc được quy định cụ thể tại Khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng.

Bên B chịu trách nhiệm đảm bảo thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, bố trí nhân lực và chịu trách nhiệm thi công toàn bộ phần công việc của hợp đồng; bảo đảm thi công theo đúng bản vẽ thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị cho công trình bảo đảm mới 100%, đúng chủng loại, chất lượng, số lượng theo quy định của hợp đồng và được các bên liên quan nghiệm thu trước khi đưa vào thi công (Khoản 2.2, 2.3, 2.4 Điều 2).

Tiến độ thực hiện hợp đồng (Điều 4): Tổng thời gian thi công theo hợp đồng là 60 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng và nhà thầu được bên giao thầu bàn giao mặt bằng thi công (Bao gồm thứ bảy, chủ nhật nhưng không bao gồm thời gian nghỉ Lễ, Tết theo quy định của Nhà nước);

Thời gian thi công công trình sẽ được kéo dài trong các trường hợp:

- + Các trường hợp bất khả kháng theo luật định;
- + Do yêu cầu ngừng thi công của Bên A;
- + Do việc chậm nghiệm thu hoặc thanh toán của Bên A (kể từ khi Bên B đã đệ trình hồ sơ nghiệm thu và thanh toán hợp lệ và quá hạn Bên A thanh toán);
- + Thời gian chờ đợi các nhà thầu thi công khác thi công các phần việc khác thì thời gian này sẽ được ghi vào nhật ký công trình làm căn cứ để trừ vào thời gian thi công công trình: Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói. Giá trị hợp đồng (Bao gồm thuế VAT): **930.000.000 đồng** (Chín trăm ba mươi triệu đồng). Phương thức và điều kiện thanh toán (Điều 6)

Hai bên thỏa thuận về phương thức thanh toán gồm các điều khoản về phương thức, tạm ứng hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện, khối lượng hoàn thành và quyết toán hợp đồng, cụ thể như sau:

+ *Tạm ứng*: Bên A sẽ tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng trước thuế VAT trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng và bên A nhận được hồ sơ tạm ứng hợp lệ của bên B bao gồm: Công văn đề nghị tạm ứng của bên B, Thư bảo lãnh tạm ứng, Hợp đồng (Bản photo).

+ *Thanh toán đợt 1*: Sau khi bên B hoàn thành công tác *thi công phần kết cấu bê xử lý nước thải*, được bên A nghiệm Thu; Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 85% giá trị công việc hoàn thành được nghiệm thu đợt 1. Thời gian thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ của bên B cung cấp.

+ *Thanh toán đợt 2*: Sau khi bên B *tập kết vật tư, thiết bị đến chân công trình* được bên A nghiệm Thu, Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 70% giá trị vật tư, thiết bị được nghiệm thu. Thời gian thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ của bên B cung cấp.

+ *Thanh toán khối lượng hoàn thành*: Sau khi Bên B hoàn thành *toàn bộ việc lắp ráp thiết bị* của Trạm xử lý được bên A nghiệm Thu, Bên A sẽ thanh toán cho bên B đến

85% giá trị công việc hoàn thành được nghiệm thu đợt 2. Thời gian thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ của bên B cung cấp.

+ *Quyết toán*: Sau khi Nhà thầu (bên B) hoàn thành toàn bộ công việc theo Điều 2 hợp đồng, hai bên ký Biên bản hoàn thành bàn giao đưa hạng mục công trình vào sử dụng. Nhà thầu (bên B) sẽ đệ trình hồ sơ quyết toán công trình cho Chủ đầu tư (bên A) chấp thuận, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 95% giá trị quyết toán hợp đồng, thời hạn thanh toán trong vòng 15 ngày (không kể ngày nghỉ Lễ, nghỉ Tết); 5% giá trị quyết toán sẽ được thanh toán nốt trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên B nộp chứng thư bảo lãnh bảo hành cho bên A.

Công trình đã được nguyên đơn thi công xây dựng, lắp đặt hoàn chỉnh các hạng mục và X1 đang vận hành toàn bộ hệ thống, đưa vào sử dụng và Công trình Trạm xử lý nước thải do nguyên đơn thi công, xây dựng cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước từ ngày 15/11/2017 (Thời hạn xả thải là 03 năm). Điều này cho thấy, công trình mà nguyên đơn thi công xây dựng, lắp đặt đã đảm bảo yêu cầu về chất lượng công trình; sau đó, vì X1 đã không thanh toán cho nguyên đơn theo điều khoản hợp đồng đã ký nên nguyên đơn đã ngừng thi công và có công văn thông báo đến X1 (Công văn số 26, 43, 48, 53, 60, 63, 71, 73/2018/CV-nguyên đơn).

Từ ngày 26/04/2018 đến ngày 13/08/2018, nguyên đơn đã nhiều lần gửi công văn nhắc nhở, đề nghị thanh toán và thông báo tạm dừng vận hành thử nghiệm Trạm xử lý nước thải vì X1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hồ sơ thanh toán giai đoạn hoàn thành (*số tiền là: 72.089.325 đồng*), thời gian chậm hơn 145 ngày.

Tại cuộc họp ngày 17/09/2018, công ty cổ phần E yêu cầu nguyên đơn xử lý dứt điểm và xong ở số B T thì mới tiếp tục thông qua hồ sơ này và kể cả hồ sơ của các dự án khác; và ý kiến của nguyên đơn là: về dự án tại số B T, nhà thầu thông báo sẽ dừng không thực hiện tiếp và đề nghị thanh lý hợp đồng. Nguyên đơn đồng ý thanh lý hợp đồng và đồng ý để X1 mời đơn vị khác vào xử lý; chi phí xử lý sẽ do nguyên đơn chịu trách nhiệm. Trong quá trình X1 mời đơn vị khác vào xử lý, nguyên đơn sẽ kiểm tra hồ sơ và có ý kiến về giá trị, đàm phán giá trị cải tạo.

Đến ngày 25/09/2019, nguyên đơn đã họp với X1 về việc vướng mắc của nhà thầu về thanh toán và nghiệm thu quyết toán tại các dự án T, Trần Duy H2, N. Biên bản cuộc họp có ghi nhận: ý kiến nguyên đơn là không đồng ý khấu trừ theo Công văn 3947/2019/X1 ngày 31 tháng 07 năm 2019 của bên A. Nhà thầu đề nghị bên A cung cấp hồ sơ, hợp đồng của đơn vị thứ ba thi công hệ thống xử lý nước thải để có căn cứ xem xét các khoản bên A đã khấu trừ có thuộc phạm vi thực hiện của bên B hay không. Đến lúc này bên A có gửi email cho nguyên đơn thể hiện thuê Nhà thầu Vũ H3 thi công thêm Bể xử lý sự cố trạm xử lý nước thải (nhưng trước đó, nguyên đơn không nhận được bất kỳ tài liệu gì liên quan đến phạm vi công việc và việc khấu trừ này), và nguyên đơn hoàn toàn không đồng ý vì phạm vi công việc trong hợp đồng X1 thuê Vũ Hoàng không thuộc hợp đồng số 256/2017/HĐKT của X1 ký với nguyên đơn.

Về công tác tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng đã được hai bên thực hiện cho đến thời điểm hiện nay như sau: Giá trị hợp đồng: **930.000.000 đồng**; Giá trị thực hiện: **911.190.000 đồng**; Tiền tạm ứng: 253.636.364 đồng (vào ngày 28/07/2017); Thanh

toán đợt 1: 164.115.461 đồng (vào ngày 13/02/2018); Thanh toán đợt 2: 110.315.350 đồng (vào ngày 16/03/2018); Tổng giá trị đã thanh toán: **528.067.175 đồng**. Giá trị còn lại phải thanh toán: **383.122.825 đồng**.

Các công việc còn tồn tại của hợp đồng đề hai bên tiến hành quyết toán và nghiệm thu thanh lý hợp đồng bao gồm: Ký kết Biên bản hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng; Ký hồ sơ nghiệm thu quyết toán công trình; Ký Biên bản thanh lý hợp đồng.

Công ty X1 đã có hành vi chậm thanh toán các hồ sơ thanh toán đợt 1,2; đặc biệt là không thanh toán đợt 3 - thanh toán giai đoạn hoàn thành cho nguyên đơn.

Ngày 04 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn đã đệ trình hồ sơ đề nghị thanh toán đợt 1 theo Hợp đồng, bao gồm thanh toán phần xây dựng (với số tiền là 164.115.461 đồng) và vật liệu đầu vào (với số tiền 226.150.350 đồng), tổng số tiền đề nghị thanh toán là 390.265.811 đồng và Chủ đầu tư đã chấp thuận với đề nghị thanh toán của nguyên đơn. Đến tận ngày 13/02/2018, sau khi nguyên đơn nhiều lần gửi công văn đề nghị thanh toán, X1 mới thanh toán số tiền này cho nguyên đơn tuy nhiên việc chậm thanh toán của X1 đã làm trì hoãn tiến độ thực hiện Hợp đồng theo như hai bên thỏa thuận.

Ngày 21 tháng 03 năm 2018, nguyên đơn đã đệ trình hồ sơ thanh toán giai đoạn hoàn thành (bản chính) theo Hợp đồng cho Chủ đầu tư (tuy nhiên không có biên bản giao nhận hồ sơ thanh toán). Tuy nhiên, dù đã quá thời hạn thanh toán và nguyên đơn đã nhiều lần gửi công văn nhắc nhở và thúc giục, cho đến nay Công ty X1 vẫn không thanh toán cho nguyên đơn. Thay vào đó, Công ty X1 đã yêu cầu nguyên đơn phải sửa chữa lại rất nhiều các hạng mục công trình nhỏ lẻ một cách bất hợp lý, bao gồm cả các hạng mục không thuộc trách nhiệm giải quyết của nguyên đơn (*như nội dung công văn 1673/2018/X1; Công văn /2018/CV-nguyên đơn, Công văn 63/2018/CV – nguyên đơn*). Thêm vào đó, X1 hoàn toàn đã vi phạm quy định của hợp đồng khi không thanh toán số tiền theo hồ sơ thanh toán giai đoạn hoàn thành cho nguyên đơn và theo điều khoản của hợp đồng thì nguyên đơn hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm về chất lượng của công trình từ ngày 26/04/2018 (hồ sơ nộp hoàn thiện ngày 21/03/2018).

Chính việc trì trệ thanh toán hợp đồng của X1 đã dẫn đến thời gian thi công công trình bị kéo dài và làm cho việc thực hiện hợp đồng đối với nguyên đơn hoàn toàn không có hiệu quả, thua lỗ trầm trọng. Việc Công ty X1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng vẫn liên tục đưa ra các yêu cầu không thuộc phạm vi trách nhiệm của nguyên đơn là nhằm mục đích trì hoãn việc thanh toán hợp đồng đối với nguyên đơn và từ đó chiếm dụng vốn của nguyên đơn càng lâu càng tốt. Đây là hành vi coi thường Hợp đồng và nguyên đơn, đồng thời vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật.

Công ty X1 đã có hành vi vi phạm hợp đồng khi bàn giao công trình đang thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn cho đơn vị khác tiếp tục thi công (khi chưa thanh lý hợp đồng và không có sự đồng ý của nguyên đơn) và dùng công nợ với Nhà thầu khác để khâu trừ công nợ Hợp đồng với nguyên đơn.

Ngày 11 tháng 06 năm 2018, Công ty X1 gửi Thông báo số 1778/2018/X1 về việc Thông báo thuê đơn vị độc lập khắc phục tồn đọng của trạm xử lý nước thải, đến 17/08/2018 và 23/08/2018, X1 đã ký kết hợp đồng với đơn vị khác (nhà thầu Vũ H3) để thực hiện phần công việc này khi vẫn chưa được nguyên đơn bàn giao tài sản và chưa

thanh lý hợp đồng với nguyên đơn. Hành động này của X1 là hành vi coi thường nguyên đơn cũng như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên khi theo Khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng có quy định về Trách nhiệm của các bên thì trách nhiệm của bên A bao gồm: *Thanh toán cho bên B đúng theo quy định của Hợp đồng; Bên A có thể chỉ định nhà thầu khác thực hiện một số việc trong phạm vi gói thầu khi xem xét thấy có lợi hơn cho bên A về tiến độ và chất lượng trên cơ sở có sự thống nhất của hai bên.*

Cũng tại cuộc họp ngày 17/09/2018, nguyên đơn đồng ý với yêu cầu thanh lý hợp đồng của X1 và sẽ bàn giao lại cho nhà thầu khác; chi phí xử lý thuộc phạm vi công việc của hợp đồng sẽ do nguyên đơn chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, trong quá trình X1 mời đơn vị khác vào xử lý, nguyên đơn sẽ kiểm tra hồ sơ và có ý kiến về giá trị, đàm phán giá trị cải tạo, đây là nội dung thống nhất giữa hai bên. Nhưng X1 không thực hiện đàm phán giá trị cải tạo và làm rõ phạm vi công việc như thỏa thuận trên.

Đến cuộc họp ngày 25/09/2019 giữa nguyên đơn với X1 về việc vướng mắc của nhà thầu về thanh toán và nghiệm thu quyết toán tại các dự án T, Trần Duy H2, N. Nhà thầu nguyên đơn tiếp tục đề nghị X1 cung cấp hồ sơ, hợp đồng của đơn vị thứ ba thi công hệ thống xử lý nước thải, đến lúc này X1 có gửi e-mail cho nguyên đơn về việc thuê bên thứ ba là nhà thầu Vũ H3.

Trước đó, X1 gửi Công văn 3947/2019/X1 ngày 31 tháng 07 năm 2019 về việc trừ tiền nhà thầu nguyên đơn với lý do không hoàn thành công tác vận hành trạm, tuy nhiên, như đã thống nhất trong cuộc họp ngày 17/09/2018, nhà thầu nguyên đơn đã dừng, không tiến hành tiếp công việc kể từ thời điểm X1 không thanh toán giai đoạn hoàn thành cho nguyên đơn nên việc X1 khấu trừ tiền của nguyên đơn là hoàn toàn vô lý. Thêm vào đó, Nhà thầu đề nghị X1 cung cấp hồ sơ, hợp đồng của đơn vị thứ ba thi công hệ thống xử lý nước thải để có căn cứ xem xét các khoản X1 đã khấu trừ có thuộc phạm vi thực hiện của nguyên đơn hay không và X1 có gửi e-mail cho nguyên đơn thể hiện thuê nhà thầu Vũ H3 thi công thêm Bể xử lý sự cố trạm xử lý nước thải (trước đó, nguyên đơn không nhận được bất kỳ tài liệu gì liên quan đến phạm vi công việc và việc khấu trừ này). Đây là phần công việc X1 tự ý ký thêm với nhà thầu Vũ H3 và hoàn toàn không thuộc phạm vi công việc của hợp đồng số 256/2017/HĐKT của X1 ký với nguyên đơn. Hành động này của X1 thể hiện ý định dùng công nợ của nhà thầu Vũ H3 để khấu trừ công nợ hợp đồng X1 ký với nguyên đơn, chiếm đoạt phần tiền cần được thanh toán của nguyên đơn.

Ngày 09/12/2022 Công ty Cổ phần K có đơn sửa đổi và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty cổ phần X1 phải thanh toán nốt cho Công ty cổ phần K số còn lại là 383.122.825 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng). Tính theo giá trị hồ sơ thanh quyết toán giữa hai bên.

- Buộc Công ty cổ phần X1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền phạt vi phạm không thanh toán (kể từ ngày phải thanh toán là ngày 21/03/2018; theo mục 6.3.3, khoản 6.3, điều 6 Hợp đồng) theo Hợp đồng là 111.600.000 đồng x 12% giá trị Hợp đồng, theo khoản 8.3, điều 8 và mục 9.2.1, khoản 9.2, điều 9 của Hợp đồng số 256/2017/HĐKT.

- Buộc Công ty cổ phần X1 và quản lý dự án số 1 phải phối hợp và hoàn thiện Hồ sơ để thanh quyết toán cho Công ty cổ phần K trong Hợp đồng số 256/2017/HĐKT. Tổng

số tiền mà Công ty cổ phần X1 phải trả là 494.722.825 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm hai lăm đồng).

Rút toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại: Buộc Công ty cổ phần X1 thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền bồi thường thiệt hại do chậm trả số tiền 692.057.946 đồng (Tạm tính từ ngày 29/03/2018 cho đến 29/11/2021; Tương đương với lãi suất mà nguyên đơn phải trả cho bà Lưu Thị H4 theo Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng số 01 vay 2.315.870.000 đồng ký ngày 20/8/2019 đính kèm). Lý do: nguyên đơn xin tách yêu cầu khởi kiện này thành yêu cầu độc lập, sẽ nộp Hồ sơ khởi kiện sau này.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn có ý kiến như sau:

- Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí vệ sinh: 2.310.000 đồng. Nguyên đơn đồng ý đối với yêu cầu này của bị đơn.

- Đối với Phạt vi phạm chất lượng 50.000.000 đồng: Theo công văn số 1993/2017/X1 ngày 7/12/2017: 50.000.000 đồng: Trong quá trình thi công, khi công trình chưa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, bên X1 đã tự ý sử dụng các bể xử lý nước thải mà nguyên đơn đã xây dựng và chưa hoàn thiện chống thấm, điều này đã gây ra hiện tượng bể bị thấm tại 2 điểm, và nguyên đơn đã phải tốn rất nhiều thời gian khắc phục xong vấn đề này. Đây là vi phạm nghiêm trọng của X1, cản trở nguyên đơn trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Trạm xử lý nước thải này đã được các cơ quan quản lý kiểm tra, thẩm định mẫu nước sau xử lý và cấp Giấy phép xả thải số 373/GP-UBND ngày 15/11/2017, điều đó chứng tỏ tại thời điểm này bên nguyên đơn đã thi công hoàn thành lắp đặt trạm xử lý nước thải và vận hành trạm xử lý nước thải đạt chất lượng. Số tiền 50.000.000 đồng phạt là do bên X1 đưa ra một cách tùy hứng, không có cơ sở quy định tại Hợp đồng số 256/2017/HĐKT đã ký; không được sự chấp nhận của nguyên đơn, thể hiện rõ việc thiếu tôn trọng Hợp đồng và đối tác.

- Phạt vi phạm tiến độ: $12\% \text{ giá trị quyết toán} = 12\% * 817.140.000 = 98.056.800$ đồng: Nguyên đơn không vi phạm về tiến độ thi công quy định tại điều 4 của Hợp đồng 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và Nhà thầu được bên giao thầu bàn giao mặt bằng thi công. Tuy nhiên, cho đến nay, X1 vẫn chưa có Biên bản bàn giao mặt bằng cho bên nguyên đơn, nên mốc bắt đầu để tính tiến độ thi công không được xác định. Các trường hợp được kéo dài thời gian thi công: theo điều 4 của Hợp đồng này, bao gồm: do việc chậm nghiệm thu thanh toán của bên A (kể từ khi bên B đã nộp hồ sơ nghiệm thu và thanh toán hợp lệ và quá thời hạn bên A phải thanh toán). Và kể từ ngày 26/4/2018, bên nguyên đơn đã có công văn thông báo cho X1 về việc ngừng thi công Hợp đồng này.

- Buộc nguyên đơn thanh toán chi phí X1 thuê nhà thầu khác vào hoàn thiện bổ sung phần công việc nguyên đơn bỏ dở do vi phạm về chất lượng: Nhà thầu Nam Huy: 243.521.158 đồng và nhà thầu Vũ H3: 811.817.396 đồng.

X1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán: Theo mục 7.1, điều 7 (Trách nhiệm bên A) của Hợp đồng; mặc dù nguyên đơn đã hoàn thiện hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành từ ngày 21/3/2018 theo quy định tại khoản 6.3.3, mục 6.3, điều 6 (về Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành) của Hợp đồng; nhưng đến nay X1 không thanh toán. Theo khoản 9.2.1, mục 9.2, điều 9 của Hợp đồng (Tạm dừng công việc bởi bên B), có ghi rõ: *Nếu bên A chậm thanh toán cho bên B quá hạn 20 ngày so với thời hạn quy định của điều 5 tại Hợp*

đồng. Khi đó bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A bằng văn bản về việc tạm dừng công việc. Trong vòng 02 ngày kể từ ngày bên B gửi thông báo nếu bên B nhận được thanh toán thì bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường. Bên nguyên đơn đã gửi các công văn số 26, 43, 48,53, 60, 63, 71, 73/2018/CV-nguyên đơn để yêu cầu thanh toán và thông báo sẽ tạm ngưng công việc của Hợp đồng này cho đến khi nhận được thanh toán. Vì vậy nguyên đơn hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm các ảnh hưởng liên quan đến gói thầu do việc X1 không thanh toán.

Khối lượng công việc nguyên đơn đã thực hiện: Với thực tế thi công tại hiện trường; khối lượng công việc mà nguyên đơn chưa hoàn thành chỉ là việc Tiếp tục đào tạo vận hành chuyên gia công nghệ (trị giá 17.100.000 đ- chưa VAT thuộc Hợp đồng này), việc này đang tạm dừng để đợi X1 thanh toán khối lượng hoàn thành, nhưng X1 đã vi phạm không thanh toán. Và hồ sơ thanh toán mà bên X1 đã có xác nhận (*nhưng chưa đầy đủ ở trong Đơn phản tố này*) là 817.140.000 đ ở trên (chiếm 88% của GTHĐ = 930.000.000đ), điều đó cho thấy nguyên đơn đã hoàn thành toàn bộ các công việc lắp đặt hệ thống thiết bị thuộc Hợp đồng thi công trạm xử lý nước thải này. Hiện tại X1 vẫn tự ý sử dụng vận hành trạm xử lý nước thải do nguyên đơn đã lắp đặt mà không thanh toán cho nguyên đơn.

Các hồ sơ của các nhà thầu Nam H, Vũ H3: Vì X1 đã vi phạm thanh toán theo Hợp đồng, Nhà thầu nguyên đơn đã thông báo ngừng các công việc kể từ ngày 26/4/2018 (theo công văn số 26, và các công văn 43, 48, 53, 60, 63, 71, 73/2018/CV-nguyên đơn tiếp theo đã nhắc lại nội dung này), nên nguyên đơn không chịu trách nhiệm các công việc liên quan đến trạm xử lý nước thải này.

Phạm vi công việc mà các nhà thầu Nam H và Vũ H3 thực hiện không nằm trong phạm vi Hợp đồng 256/2017/HĐKT mà nguyên đơn và X1 đã ký ngày 12/7/2017. Toàn bộ hệ thống nguyên đơn đã lắp đặt thì X1 đã đưa vào sử dụng từ 2018 cho đến nay. Phần việc còn lại nguyên đơn không làm có giá trị 17.100.000 đ- chưa VAT (nguyên đơn đã không tính mục này vào số tiền đòi X1 phải thanh toán), nhưng do X1 vi phạm Hợp đồng nên nguyên đơn đã ngừng thực hiện.

Các hồ sơ hoàn công và thanh toán của 2 nhà thầu trên chưa hoàn thiện: không có Biên bản thanh lý hợp đồng/chốt công nợ, Bản vẽ hoàn công không có xác nhận của Chủ đầu tư; các Hóa đơn của nhà thầu AC không liên quan đến công trình này và Ủy nhiệm chi của X1 không thể hiện đủ số tiền như yêu cầu trong Đơn phản tố. Vì vậy nguyên đơn không chịu trách nhiệm với các vấn đề kể trên mà X1 tự ý đi thuê để liệt kê ra và không liên quan đến Hợp đồng đã ký.

*** Bị đơn: Công ty cổ phần X1 trình bày:**

Ngày 12/07/2017, Công ty cổ phần K (nguyên đơn) và Công ty cổ phần X1 (gọi tắt là X1) có ký với nhau Hợp đồng số 256/2017/HĐKT về gói thầu: “*Thiết kế trạm, Lập dự toán + Thi công phần xây dựng, công nghệ và thiết bị trạm xử lý nước thải công suất 50m³/ng.đ*” với X1 làm Chủ đầu tư và nguyên đơn là Nhà thầu thi công.

Đối với việc nguyên đơn trình bày từ ngày 26/04/2018 đến ngày 13/08/2018, nguyên đơn đã nhiều lần gửi công văn nhắc nhở, đề nghị thanh toán và thông báo tạm dừng vận hành thử nghiệm Trạm xử lý nước thải vì X1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán

theo hồ sơ thanh toán giai đoạn hoàn thành (*số tiền là: 72.089.325 đồng*). Phía X1 xác nhận không nhận được các công văn trên.

Căn cứ theo hợp đồng số 256/2017/HĐKT: Các đợt thanh toán được chia làm 5 giai đoạn cụ thể:

X1 đã thanh toán đến đợt 2 - 70% giá trị vật tư thiết bị được nghiệm thu cho nguyên đơn với số tiền: 578.067.175 đồng. Chi tiết:

Tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng trước thuế ngày 28/7/2017: 253.636.364 đ

Đợt 1: Thanh toán đến 85% khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu ngày 13/2/2018: 164.115.461 đồng.

Đợt 2: Thanh toán 70% giá trị vật tư, thiết bị được nghiệm thu ngày 16/3/2018: 160.315.350 đ (*nhưng vì nguyên đơn thi công kém chất lượng nên X1 đã phạt vi phạm chất lượng và vệ sinh môi trường đối với nguyên đơn: 50.000.000 đồng và cần trừ trực tiếp vào giá trị phải thanh toán đợt 2*), nên giá trị thực tế mà X1 thanh toán đợt 2 cho nguyên đơn sau khi trừ phạt vi phạm chất lượng là: 110.315.350 đồng.

Đợt 3: Thanh toán khối lượng hoàn thành nghiệm thu đợt 2: 72.089.325 đ (sau khi trừ các khoản đã tạm ứng, khoản đã thanh toán, các khoản nguyên đơn bị phạt vi phạm Hợp đồng). Nhưng X1 chưa thực hiện thanh toán cho nguyên đơn vì thực tế Hồ sơ đề nghị thanh toán nguyên đơn nộp không hợp lệ theo điều 6.3.3 của Hợp đồng và hạng mục thi công của nguyên đơn tại Dự án kém chất lượng nên tạm dừng thanh toán.

Nguyên đơn đã xuất 02 Hóa đơn VAT với tổng giá trị 764.890.000 đồng (Hoàn thành 85% công việc được nghiệm thu đợt 2). Trong đó: Hóa đơn 0111 xuất ngày 05/1/2018 có giá trị: 287.294.500 đồng và Hóa đơn 0113 xuất ngày 10/1/2018 có giá trị: 480.595.500 đồng.

Thực tế đến đợt 3 thanh toán khối lượng hoàn thành nghiệm thu nhưng bên nguyên đơn đã không gửi cho X1 hồ sơ thanh toán theo đúng nội dung của hợp đồng. Vì vậy, X1 đã dừng thanh toán cho nguyên đơn.

X1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi X1 với lý do như sau:

Căn cứ Điều 9.4 của Hợp đồng quy định: *“Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực hai bên sẽ thỏa thuận và xác nhận giá trị khối lượng thực hiện của Bên B và các khoản phải thanh toán cho các công việc được thực hiện đúng theo Hợp đồng. Bên B không được nhận bất kỳ khoản thanh toán nào cho đến khi Bên A xác nhận được các chi phí mà Bên A phải gánh chịu do việc chấm dứt Hợp đồng.”*

Từ ngày nguyên đơn đồng ý thanh lý hợp đồng (theo biên bản làm việc ngày 17/9/2018) đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, nguyên đơn không thực hiện bàn giao hiện trạng công trình trạm xử lý nước thải cho X1, không xác nhận khối lượng đã thực hiện và nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ giá trị thi công thực tế cho X1. Do đó X1 không có cơ sở để xác nhận giá trị nguyên đơn đã thi công thực tế. Do đó, X1 chưa thực hiện thanh toán và đối trừ các khoản phải trả cho nguyên đơn hoàn toàn xuất phát từ lỗi của nguyên đơn không nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ nên giá trị thực tế nguyên đơn đã thi công, các khoản phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại chưa được 2 bên thống nhất theo

quy định tại Điều 8 Hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu X1 phải thanh toán khoản tiền còn lại bằng phương thức: lấy giá trị Hợp đồng đã ký trừ đi giá trị đã thanh toán để tính ra mức giá mà X1 còn phải thanh toán là hoàn toàn không chính xác. Trong khi trách nhiệm của nguyên đơn đối với các khoản phạt vi phạm (chất lượng và tiến độ), trách nhiệm bồi thường thiệt hại quy định tại điều 8 của Hợp đồng xuất phát từ lỗi của nguyên đơn thì không được nguyên đơn đề cập và căn cứ vào giá trị đề nghị thanh toán là không đúng.

Nguyên đơn vi phạm tiến độ thực hiện Hợp đồng: 344 ngày. Thậm chí đến ngày đồng ý thanh lý Hợp đồng hạng mục xin thỏa thuận đấu nối xả thải vào hệ thống chung của Thành phố Hà Nội chưa được thực hiện; Hạng mục chạy thử, vận hành, đào tạo và chuyển giao công nghệ chưa được thực hiện.

Nguyên đơn vi phạm về chất lượng thi công công trình: Biên bản họp ngày 17/9/2018 nguyên đơn vẫn không thể khắc phục được các lỗi kém chất lượng nêu trên. Chi tiết: Không có vi sinh dẫn đến dầu dẫn tích tụ bùn; Bùn thải ngập đầy chỗ bơm (đến thời điểm hiện tại) dẫn đến bơm không hoạt động được; Phần đường ống nhà thầu kết nối rất kém (Ống PVC); Hệ thống bơm ngoài (bơm nước thải ra đường nước thoát thải của thành phố) chưa hoạt động; Nước thải không qua xử lý nên gây mùi hôi thối ảnh hưởng đến các không gian chung và trực kỹ thuật của tòa nhà; Chưa có thỏa thuận đấu nối xả thải ra môi trường. Đồng thời, nguyên đơn thể hiện ý chí: Dừng ko thực hiện tiếp và đề nghị thanh lý Hợp đồng; đồng ý để X1 mời bên thứ ba sửa chữa khắc phục

Như vậy, đến thời điểm hai bên đồng ý thanh lý Hợp đồng, nguyên đơn thừa nhận có tồn tại các hạng mục tồn đọng kém chất lượng chưa khắc phục, đồng ý để X1 thuê bên thứ ba thực hiện sửa chữa, xử lý và nguyên đơn sẽ chịu chi phí. Từ các phân tích trên, X1 khẳng định việc X1 hoàn toàn có quyền không thực hiện bất kỳ một khoản thanh toán nào cho nguyên đơn khi X1 chưa xác định được các chi phí mà X1 đã phải bỏ ra để thuê Nhà thầu khác khắc phục những tồn đọng, sai sót về chất lượng mà nguyên đơn đã không thực hiện đến ngày đồng ý thanh lý và dừng toàn bộ hoạt động vận hành, sửa chữa khắc phục tại Công trình.

Vi phạm nghĩa vụ nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ: điều 6.3.3 Hợp đồng quy định: Sau khi hoàn thành việc lắp đặt thiết bị và được nghiệm thu, Bên B gửi cho bên A đề nghị thanh toán gồm: *“Công văn đề nghị thanh toán; biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đầu vào; biên bản nghiệm thu công việc xây dựng; biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị, Chứng chỉ nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng của vật tư, thiết bị (CO, CQ...); Bản vẽ hoàn công, Nhật ký thi công (bản photo) bản tính khối lượng hoàn thành được nghiệm thu có xác nhận của Giám sát của CĐT; Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán có xác nhận của Bên A (kèm theo File mềm tính toán); Hợp đồng (photo) Hóa đơn VAT hợp lệ (bản gốc); số lượng hồ sơ 04 bộ (2 bộ gốc, 2 bộ photo)”*.

Thực tế, nguyên đơn đã không nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ: Bảng tính khối lượng hoàn thành chưa có xác nhận của X1/tư vấn giám sát, Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán chưa có xác nhận của X1, chưa có Hóa đơn VAT hợp lệ (thể hiện trong Hồ sơ đề nghị thanh toán giai đoạn hoàn thành). Như vậy, Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành chưa được nguyên đơn trình hợp lệ, dẫn đến chưa phát sinh nghĩa vụ X1 phải thanh toán cho nguyên đơn. Đến nay hai bên chưa thống nhất được giá trị mà nguyên đơn đã thực hiện, giá trị phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại mà nguyên đơn phải có trách nhiệm đối với

X1 quy định tại Hợp đồng. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu X1 thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng, phải bồi thường do chậm trả tiền theo lãi suất 7,5%/năm (29/3/2018 đến 29/11/2021) và bồi thường thiệt hại do chậm trả tiền (tạm tính từ 29/03/2018 đến 29/11/2021) tương đương với lãi suất 100%/năm mà nguyên đơn phải trả cho Bà Lưu Thị H4 theo HĐ vay 2.315.870.000 đồng là không có căn cứ.

Công ty Cổ phần X1 có đơn yêu cầu phản tố với nội dung sau:

- Căn cứ vào điều 8.2.2 của Hợp đồng thi công. Buộc nguyên đơn phải chịu phạt vi phạm về chất lượng theo công văn số 1993/2017/X1 X1 ngày 07/12/2017: 50.000.000 đồng; Buộc nguyên đơn phải chịu phạt vi phạm về tiến độ. Tổng giá trị các khoản phạt là 12% giá trị quyết toán là 91.786.800 đồng.

- Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí vệ sinh: 2.310.000 đồng;

- Buộc nguyên đơn phải thanh toán chi phí X1 thuê nhà thầu khác vào hoàn thiện bổ sung phần công việc nguyên đơn bỏ dở do vi phạm về chất lượng:

Tại phiên tòa, bị đơn căn cứ vào kết luận định giá của công ty TNHH K1 để yêu cầu nguyên đơn thanh toán chi phí X1 đã thuê nhà thầu Nam H và Vũ H3 là 828.140.311 đồng;

Tổng giá trị nguyên đơn phải chịu phạt, thanh toán cho X1 số tiền là: 978.507.111 đồng.

Đối với việc mời nhà thầu Nam Huy và nhà thầu Vũ H3, X1 không còn lưu lại các văn bản gửi cho nguyên đơn về việc mời nhà thầu Nam H, Vũ H3 sửa chữa, hoàn thiện đối với những phần công việc mà nguyên đơn chưa hoàn thành. X1 cũng không có văn bản chứng minh về việc đã được sự chấp nhận của nguyên đơn để mời nhà thầu Nam H, Vũ H3 sửa chữa, hoàn thiện thay nguyên đơn.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K đối với Công ty cổ phần X1 về yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 256/2017/HĐKT ngày 12/7/2017.

Buộc Công ty cổ phần X1 thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền: **236.822.825** (Hai trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi lăm) đồng

Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đối với việc yêu cầu X1 thanh toán số tiền bồi thường thiệt hại do chậm trả tiền tạm tính từ 29/3/2018 đến 29/11/2021 là **116.627.028** (Một trăm mười sáu triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi tám) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường thiệt hại do chậm trả số tiền **692.057.946** (Sáu trăm chín mươi hai triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi sáu) đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần X1 và quản lý dự án số 1

Buộc Công ty cổ phần K phải thanh toán cho Công ty cổ phần X1 số tiền là **922.237.111** (Chín trăm chín mươi hai triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm mười một) đồng, cụ thể như sau:

- Số tiền phạt vi phạm về tiến độ là **91.786.800** (Chín mươi một triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm) đồng;

- Số tiền phải chịu chi phí vệ sinh: **2.310.000** (Hai triệu, ba trăm mười nghìn) đồng;

- Số tiền mời nhà thầu Nam H và Vũ Hoàng V khắc phục sự cố là: **828.140.311** (Tám trăm hai mươi tám triệu, một trăm bốn mươi nghìn, ba trăm mười một) đồng;

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 27/3/2023 Công ty cổ phần K có đơn kháng cáo đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người kháng cáo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc thanh toán khoản nợ và số tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán:

Xét hợp đồng kinh tế số 256/2017/HĐKT ngày 12/07/2017, công trình nguyên đơn thi công đã lắp đặt, hoàn thành các hạng mục. Chỉ còn công việc vận hành và chuyển giao công nghệ. Bị đơn không ký nghiệm thu nhưng đã đưa vào sử dụng. Việc xin cấp phép xả thải nguyên đơn đã thực hiện, được UBND thành phố cấp giấy phép. Do đó số tiền còn lại chưa thanh toán theo hồ sơ thanh quyết toán là 383.122.825 đồng đã trừ phần công việc chưa thực hiện. Do đó cần chấp chấp nhận buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền này.

Đối với tiền phạt vi phạm: Hợp đồng quy định thời gian hoàn thành 60 ngày. Tính đến ngày 12/3/2018 (ngày nguyên đơn trình hồ sơ thanh toán đợt 3), hồ sơ vẫn chưa hoàn thiện do thiếu chữ ký của tư vấn giám sát và hoá đơn GTGT. Ngày 17/9/2018 nguyên đơn đồng ý thanh lý hợp đồng thì các tồn tại khắc phục nguyên đơn không thực hiện. Bị đơn dừng thanh toán cho nguyên đơn là đúng theo thoả thuận tại điều 9 Hợp đồng 256. Do đó yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm thanh toán từ ngày 29/3/2018 đến 29/11/2021 không được chấp nhận.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Phạt vi phạm tiến độ 12% giá trị quyết toán 91.786.800 đồng, nguyên đơn không bảo đảm tiến độ theo hợp đồng nên phải chịu phạt số tiền này.

Chi phí vệ sinh 2.310.000 đồng nguyên đơn đồng ý thanh toán nên ghi nhận sự tự nguyện này

Về việc thanh toán giá trị sửa chữa của nhà thầu Nam H và Vũ H3: 828.140.311 đồng: Theo biên bản họp ngày 17/9/2018 nguyên đơn đồng ý thanh lý hợp đồng và đồng ý để bị đơn mời nhà thầu khác vào xử lý tồn tại.

Ngày 23/8/2018 Bị đơn ký hợp đồng số 452 với công ty V1 khi chưa thống nhất thanh lý hợp đồng với nguyên đơn. Nội dung không chỉ giới hạn ở việc khắc phục sự cố mà thực hiện theo thiết kế mới đối với Trạm xử lý nước thải.

Ngày 23/7/2021 Bị đơn ký hợp đồng số 311 với Công ty Nam H nội dung xử lý mùi khí thải của Trạm xử lý nước thải. Trước đó ngày 11/01/2020 bị đơn đã ký xác nhận hồ sơ thanh toán với Vũ H3 không có nội dung tồn tại về mùi khí thải. Sau hơn 01 năm bị đơn ký xác nhận đủ điều kiện thanh toán với Vũ H3, bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải chịu chi phí sửa chữa mà Vũ H3 thực hiện là không có cơ sở chấp nhận.

Trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, bị đơn đã nêu công trình đã có sẵn bể tự hoại và nội dung công việc nhà thầu phải khảo sát hiện trạng nhưng trong hợp đồng 256 không thoả thuận nội dung này. Thực tế nguyên đơn không khảo sát và không phát hiện mặt bằng thi công chưa có bể phốt hiện trạng nên không đưa phương án dự phòng xây bể phốt vào hồ sơ thiết kế. Khi Vũ H3 vào khắc phục sự cố phải xây bể phốt để xử lý sự cố là nằm ngoài nội dung thoả thuận tại hợp đồng 256. Do đó xác định lỗi phát sinh thuộc cả 02 bên. Bị đơn phải chịu lỗi nhiều hơn = 60%, nguyên đơn chịu 40% giá trị bồi thường theo chi phí Vũ H3 thực hiện được xác định theo chứng thư thẩm định giá số 2212.301/CT-SVC. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là không phù hợp.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về nội dung:

- Buộc Bị đơn phải thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn 383.122.825 đồng.
- Chấp nhận một phần số tiền nhà thầu Vũ Hoàng khắc phục sự cố liên quan đến tồn tại của nguyên đơn là 240.895.182 đồng.
- Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đối với số tiền phải thanh toán cho nhà thầu Nam Huy do không liên quan đến tồn tại của nguyên đơn theo hợp đồng 256.
- Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Trên cơ sở Hợp đồng kinh tế số 256/2017/HĐKT ký ngày 12/07/2017 giữa Công ty cổ phần X1 (viết tắt là X1) và Công ty cổ phần K. Theo đó công ty K nhận thi công gói thầu “*Thiết kế trạm, Lập dự toán + Thi công phần xây dựng, công nghệ và thiết bị trạm xử lý nước thải công suất 50m³/ng.đ*” cho công trình “*Trụ sở Công ty cổ phần X1 Hà Nội tại số B phố T, quận Đ, Hà Nội*”. Giá hợp đồng trọn gói là 930.000.000 đồng.

Phạm vi công việc quy định tại điều 2 của Hợp đồng có nội dung chính như sau:

- Phạm vi công việc phần thiết kế:

- + Thiết kế Trạm xử lý nước thải
- + Thiết kế hệ thống hút và xử lý mùi cho khu vực bể xử lý
- + Thiết kế đấu nối với các hệ thống hiện trạng ngoài nhà (Hồ sơ xin phép xả thải, xin phép thoả thuận và thi công đấu nối vào mạng lưới chung của thành phố).
- + Tổ chức thí nghiệm đánh giá kết quả sau xử lý
- + Lập hồ sơ và xin cấp phép xả thải
- + Vận hành chạy thử và đào tạo, hướng dẫn chuyển giao công nghệ.

- Phạm vi công việc phần thi công:

+ Nhà thầu chịu trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng, thực hiện các thủ tục và đóng các khoản chi phí cần thiết để đảm bảo việc thi công được thực hiện, để có thể hoàn thành công việc đào pháp nền đường và đấu nối hệ thống thoát nước thải từ Trạm xử lý nước thải tới mạng lưới chung của thành phố. Nhà thầu phải cam kết đảm bảo cấp phép xả thải Trạm xử lý nước thải này sau khi đi vào vận hành.

- + Thi công xây dựng kết cấu bể của Trạm xử lý nước thải
- + Thi công lắp đặt toàn bộ thiết bị công nghệ, đường ống công nghệ Trạm xử lý nước thải theo thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt.
- + Thi công lắp đặt hệ thống quạt hút, xử lý mùi của Trạm xử lý
- + Bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng Trạm xử lý, thời gian giải quyết sự cố trong quá trình vận hành: Do nhà thầu đề xuất.
- + Lập hồ sơ và xin cấp phép xả thải trạm xử lý nước thải này sau khi đi vào vận hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu Công Ty K đã thi công, lắp đặt hoàn thành các hạng mục và đang vận hành toàn bộ hệ thống để bàn giao cho X1.

Về phần thanh toán: Tổng giá trị hợp đồng 930.000.000 đồng, Nguyên đơn xác nhận phần công việc đã thực hiện 911.190.000 đồng (do trừ phần việc nguyên đơn chưa thực hiện là đào tạo, vận hành chuyển giao công nghệ). Số tiền bị đơn đã thanh toán 528.067.175 đồng, còn nợ 383.122.825 đồng.

Nguyên đơn đã gửi hồ sơ thanh toán giai đoạn hoàn thành từ ngày 21/3/2018 và có nhiều công văn yêu cầu bị đơn thực hiện thanh toán.

Ngày 1/6/2018 bị đơn có công văn số 1673/2018/X1 thông báo Trạm xử lý nước thải đã đưa vào vận hành khoảng 06 tháng nhưng hoạt động không ổn định, vẫn còn tồn đọng. Yêu cầu nguyên đơn xử lý dứt điểm trước ngày 8/6/2018 một số vấn đề như:

- Phát sinh mùi hôi thối tại khu vực tầng hầm B1
- Không có đường ống xả tràn cho trạm xử lý nước thải khi gặp sự cố
- Hệ thống bơm tự động thường xuyên không hoạt động dẫn đến sự cố tràn nước
- Chất lượng nước thải sau xử lý không đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Ngày 11/6/2018 bị đơn có văn bản số 1778/2018/X1 thông báo thuê đơn vị khác khắc phục tồn đọng do nguyên đơn không thực hiện theo công văn số 1673/2018/X1. Ngày 4/7/2018 bị đơn tiếp tục có văn bản số 324/2018 (BL97) tạm dừng thanh toán.

Ngày 17/9/2018 hai bên có biên bản làm việc, theo đó nguyên đơn đồng ý chấm dứt hợp đồng và đồng ý để bị đơn mời nhà thầu khác vào thực hiện. Chi phí xử lý do nguyên đơn chịu trách nhiệm, quá trình bị đơn mời đơn vị khác, nguyên đơn sẽ kiểm tra hồ sơ và có ý kiến về giá trị, đàm phán giá trị cải tạo.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đối với giá trị đã thực hiện: Hợp đồng nguyên đơn thực hiện chưa được quyết toán, chưa nghiệm Thu. Nay nguyên đơn yêu cầu thanh toán giá trị giai đoạn hoàn thành nhưng không được bị đơn xác nhận. Theo quy định tại điều 6.4 của hợp đồng, hồ sơ quyết toán sẽ do nhà thầu đệ trình sau khi hoàn thành toàn bộ công việc, hai bên ký biên bản hoàn thành bàn giao hạng mục công trình vào sử dụng. Ở đây công trình đang còn tồn tại phải khắc phục sự cố, khi nguyên đơn đệ trình hồ sơ thanh toán giai đoạn hoàn thành (đợt 3), tại biên bản số 19a/BBNT/CVXD ngày 11/10/2017 nghiệm thu lắp đặt đầu nối tủ điện điều khiển hệ thống Trạm xử lý nước thải, thành phần tham gia nghiệm Thu chưa có chữ ký của tư vấn giám sát, bảng giá trị đề nghị thanh toán chưa được bị đơn phê duyệt.

Hồ sơ thể hiện bị đơn đã nghiệm thu khối lượng công việc mà nguyên đơn thực hiện của đợt 1 và đợt 2 nêu tại điều 6.3 của Hợp đồng. Nguyên đơn đã xuất 02 hoá đơn GTGT với tổng giá trị 764.890.000 đồng. Bị đơn xác nhận đã kê khai thuế với 02 hoá đơn này.

Trong bảng dự toán Hợp đồng, phần chi phí khác nguyên đơn phải thực hiện trong đó có hạng mục *chi phí hệ thống thu gom nước thải về Trạm xử lý và tuyến ống đầu nối ra hệ thống thoát nước của thành phố và xin giấy phép xả thải*. Đây là nội dung nguyên đơn phải thực hiện theo quy định tại điều 2.1 của Hợp đồng. Thực tế nguyên đơn đã hoàn thành phần việc này thể hiện tại biên bản làm việc ngày 10/8/2018 với UBND phường T (BL540) do đường ống này bị vỡ tràn ra đường. Tại nhật ký thi công ngày 7+8/9/2017 thể hiện công việc thi công lắp đặt đường ống bơm thoát nước thải sau xử lý ra điểm chờ đầu nối mạng lưới thoát nước thành phố (có ký nhận của tư vấn giám sát). Đối với giấy phép xả thải, hồ sơ thể hiện ngày 15/11/2017 UBND thành phố H cấp Giấy phép số 373/GP-UBND cho phép bị đơn xả nước thải vào nguồn nước. Tổng chi phí này là 133.000.000 đồng. Theo hồ sơ đệ trình thanh toán đợt 2 chưa có hạng mục thanh toán của chi phí này và hạng mục này không nằm trong phần việc phải xử lý khắc phục sự cố.

Như vậy giá trị nguyên đơn đã thực hiện: (764.890.000 đồng là giá trị đã xuất hoá đơn được bị đơn xác nhận + 133.000.000 đồng là 02 hạng mục thu gom nước thải về trạm xử lý và cấp phép xả thải chưa được thanh toán) trừ số tiền bị đơn đã thanh toán 528.067.175 đồng, còn lại 369.822.825 đồng. Cấp sơ thẩm chưa xem xét phần công việc của 02 hạng mục này để xác định số tiền bị đơn phải thanh toán làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Do các bên đồng ý thanh lý hợp đồng, 02 hạng mục này nguyên đơn đã thực hiện nên buộc bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là 369.822.825 đồng.

Về yêu cầu phạt vi phạm Hợp đồng: nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm do không thanh toán theo quy định tại điều 8.3 mức phạt 12% giá trị Hợp đồng = 111.600.000 đồng.

Nguyên đơn tính mức phạt trên tổng giá trị hợp đồng nhưng ở đây số tiền phạt theo quy định tại điều 8.3 là khoản tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố/số tiền chậm thanh toán nhân với thời gian chậm trả. Nguyên đơn chỉ thắc mắc thời gian trả chậm của đợt 3 (tính từ ngày 21/3/2018) là ngày nguyên đơn trình hồ sơ thanh toán với số tiền là 72.089.325 đồng nên không thể tính 12% trên tổng giá trị hợp đồng được và hơn nữa hồ sơ thanh toán đợt 3 chưa có chữ ký của tư vấn giám sát trong biên bản nghiệm thu số 19A nên chưa hợp lệ. Vì vậy yêu cầu tiền phạt do chậm thanh toán với mức phạt bằng tổng giá trị hợp đồng 930.000.000 đồng x 12% = 111.600.000 đồng không được chấp nhận.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

- **Yêu cầu chi phí vệ sinh:** 2.310.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn chấp nhận đồng ý chịu chi phí này.

- **Phạt vi phạm về chất lượng và tiến độ:** theo điều 8.2.2 của Hợp đồng = 50.00.000 đ, Phạt tiền độ thực hiện hợp đồng 344 ngày. Tổng giá trị các khoản phạt 12% giá trị quyết toán (764.890.000 đồng x 12%) = 91.786.800 đồng.

Điều 8.2.2 quy định phạt vi phạm tiến độ như sau: nếu do lỗi của bên B mà tổng tiến độ thực hiện quy định tại điều 4 bị chậm trễ, bên B phải chịu phạt 0.5% giá trị quyết toán Hợp đồng cho mỗi ngày chậm.

Tiến độ thi công hợp đồng quy định tại điều 4 là 60 ngày kể từ ngày nhà thầu được bên A bàn giao mặt bằng thi công. Ở đây các bên không có biên bản bàn giao mặt bằng, tính theo nhật ký thi công bắt đầu từ ngày 18/7/2017 đến ngày 21/9/2017 (do cộng 02 ngày nghỉ lễ quốc khánh 2+3/9) là phải hoàn thành. Nhật ký thi công không thể hiện phải dừng thi công do nguyên nhân bất khả kháng nào.

Theo nguyên đơn trình bày ngày 26/4/2018 nguyên đơn đã gửi công văn thông báo ngừng thi công và ngày 11/6/2018 bị đơn có công văn thông báo thuê đơn vị khác khắc phục. Thời gian hoàn thành theo hợp đồng được xác định là ngày 21/9/2017. Đến ngày 26/4/2018 (theo thông báo ngừng thi công của nguyên đơn) quá 215 ngày. Nguyên đơn không cung cấp hồ sơ đệ trình thanh toán của đợt 1. Đối với hồ sơ đợt 2 không thể hiện ngày đệ trình hồ sơ nên không có cơ sở xác định thời gian bị đơn chậm thanh toán để đối trừ tiến độ thi công. Bị đơn xác nhận thời gian chậm thanh toán 32 ngày. Tính đến ngày nguyên đơn đồng ý thanh lý hợp đồng vẫn được xác định nguyên đơn vi phạm thời hạn phải bàn giao.

Như vậy chất lượng thi công còn tồn tại chưa khắc phục được thể hiện tại các biên bản làm việc và công văn trao đổi giữa hai bên. Tiến độ thi công vượt quá thời hạn quy định của Hợp đồng. Do đó tổng giá trị phạt bị đơn yêu cầu không vượt quá 12% giá trị phải thanh toán được xác định là 764.890.000 x 12% = 91.786.800 đồng được chấp nhận.

- Về yêu cầu thanh toán chi phí thuê nhà thầu khác thực hiện sửa chữa:

Do nguyên đơn không khắc phục xử lý tồn tại và đồng ý để bị đơn thuê nhà thầu khác sửa chữa. Ngày 23/8/2018 và 12/10/2018 bị đơn ký hợp đồng với Công ty TNHH Vũ H3 thực hiện cải tạo, sửa chữa toàn bộ Trạm xử lý nước thải tại số B T. Trong Hợp đồng này cũng quy định nhà thầu Vũ Hoàng phải thực hiện công việc xử lý mùi Trạm xử lý nước thải.

Ngày 23/7/2021 bị đơn tiếp tục ký Hợp đồng với Công ty Nam H thực hiện xử lý mùi khí thải của Trạm xử lý nước thải.

Xét chi phí sửa chữa của nhà thầu Vũ H3: Nhà thầu Vũ H3 đã thực hiện phần công việc xây dựng bể xử lý sự cố tại tầng B2 chính là bể thay thế cho bể tự hoại (được xác định không có trong thiết kế của nguyên đơn). Khi nguyên đơn nhận mặt bằng thi công chưa có bể phốt hiện trạng và theo hợp đồng quy định tại điều 2 Phạm vi và yêu cầu công việc không có nội dung nguyên đơn phải khảo sát hiện trạng. Chính vì việc chưa có bể tự hoại dẫn đến không xử lý được mùi hôi khi vận hành Trạm xử lý nước thải. Ở đây trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, bị đơn có ghi phạm vi công việc nguyên đơn phải thực hiện **Khảo sát hiện trạng tại công trình** nhưng không được quy định trong hợp đồng. Do đó nguyên đơn trình bày không khảo sát hiện trạng bởi chỉ làm phần việc theo phạm vi của hợp đồng nên không phát hiện chưa có bể tự hoại.

Căn cứ theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công phần M&E ngày 7/2/2017 được bị đơn cung cấp cho nguyên đơn để lập hồ sơ thiết kế Trạm xử lý nước thải ghi tại thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu có nêu *hiện tại công trình đã có bể tự hoại, đề nghị nhà thầu tính toán và đề ra phương án công nghệ xử lý nước thải hợp lý (nhà thầu xem phạm vi giới hạn xây dựng trạm xử lý nước thải trong bản vẽ kèm theo).*

Như vậy phần công việc của nguyên đơn được giới hạn phần việc theo hợp đồng (tức là không bao gồm xây bể tự hoại). Việc nhà thầu Vũ H3 xây bể tự hoại là chi phí phát sinh để khắc phục xử lý mùi khí thải.

Mặc dù việc khảo sát hiện trạng không nằm trong công việc thực hiện theo hợp đồng nhưng tại thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu có ghi nội dung này. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu được coi là bộ phận không tách rời của hợp đồng (quy định tại điều 1 hợp đồng) và tại điều 2.2 hợp đồng quy định nguyên đơn phải chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước thải. Do đó khi phát sinh mùi khí thải tại khu vực tầng hầm B1 nguyên đơn phải khắc phục. Chính vì lý do này nhà thầu Vũ H3 đã khắc phục, sửa chữa thay nguyên đơn. Vì vậy chi phí khắc phục này nguyên đơn phải bồi thường theo quy định tại điều 8.2.1 hợp đồng.

Tuy nhiên bị đơn có lỗi khi cung cấp hồ sơ xây dựng Trụ sở văn phòng số 2 Tôn Thất T2 không đúng thực tế (không có bể tự hoại) nhưng lại yêu cầu nguyên đơn giới hạn xây dựng Trạm xử lý nước thải trong bản vẽ thi công phần M&E kèm theo dẫn đến phát sinh mùi khí thải phải khắc phục bằng việc xây mới bể tự hoại. Do đó bị đơn cũng phải chịu lỗi bằng 50%/giá trị sửa chữa của nhà thầu Vũ H3 vì cung cấp hồ sơ không đúng hiện trạng. Nguyên đơn không phát hiện nên đã để xảy ra mùi khí thải nên phải chịu 50% lỗi không khắc phục.

Xét chi phí thực hiện của nhà thầu Nam H: Như trên đã nêu, Hợp đồng bị đơn ký với nhà thầu Vũ H3 để thực hiện cải tạo, sửa chữa toàn bộ Trạm xử lý nước thải tại số B T mà trước đó nguyên đơn thực hiện, công việc nhà thầu Vũ Hoàng thi công có nội dung xử lý mùi. Ngày 23/8/2018 nhà thầu Vũ H3 đã đệ trình hồ sơ quyết toán với nguyên đơn và tại báo cáo ngày **11/01/2020** bị đơn xác nhận hồ sơ đủ điều kiện thanh toán. Chỉ nêu ý kiến nhà thầu phải thí nghiệm lại nước theo yêu cầu của Ban quản lý Tòa nhà, không đề cập phát sinh mùi khí thải phải khắc phục. Đến ngày **23/7/2021** bị đơn lại tiếp tục ký Hợp đồng với Công ty Nam H thực hiện xử lý mùi khí thải của Trạm xử lý nước

thải (tức là sau hơn 01 năm kể từ ngày bị đơn xác nhận hồ sơ đủ điều kiện thanh toán là ngày 11/01/2020 với Vũ H3). Công việc của Nam H thực hiện không liên quan đến phần việc của nguyên đơn phải khắc phục nữa bởi ở đây bị đơn đã thuê Vũ H3 sửa chữa, khắc phục toàn bộ Trạm xử lý nước thải tại số B T. Việc xử lý mùi khí thải lúc này phải thuộc nhà thầu Vũ Hoàng nên không thể tiếp tục tính chi phí của Nam H cho nguyên đơn.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 2212.301/CT-SVC ngày 9/12/2022, tổng giá trị Vũ H3 thực hiện là 629.196.473 đồng. Nguyên đơn phải chịu chi phí 50% giá trị của nhà thầu Vũ H3 với số tiền 314.598.236 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là không phù hợp và chưa xem xét chi phí hạng mục nguyên đơn đã thực hiện không thuộc phạm vi phải xử lý khắc phục. Vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm về các nội dung trên.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 155,164,166 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điều 139,141 Luật Xây dựng;

Căn cứ khoản 1 điều 30, 148, 296, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 20/3/2023 của Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K đối với Công ty cổ phần X1 về yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số 256/2017/HĐKT ngày 12/7/2017.

Buộc Công ty cổ phần X1 thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền: 369.822.825 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần K về việc thanh toán số tiền bồi thường thiệt hại do chậm trả tiền tạm tính từ 29/3/2018 đến 29/11/2021 là 116.627.028 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại số tiền **692.057.946** đồng do Công ty cổ phần K rút yêu cầu.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần X1.

Buộc Công ty cổ phần K phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X1 số tiền 408.695.036 đồng, cụ thể như sau:

- Phạt vi phạm về tiền độ: 91.786.800 đồng;

- Chi phí vệ sinh: 2.310.000 đồng;

- Chi phí khắc phục sự cố do Công ty TNHH Vũ H3 thực hiện: 314.598.236 đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Công ty cổ phần K phải chịu 25.013.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm và không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0067733 ngày 04/01/2022 và 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0007658 ngày 04/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Công ty cổ phần K được nhận lại 987.000 đồng.

Công ty cổ phần X1 và quản lý dự án số 1 phải chịu 18.491.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002176 ngày 28/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Công ty cổ phần X1 và quản lý dự án số 1 được nhận lại 4.509.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thuý Linh